CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Kỹ thuật và Ô tô Trường Long

Ngày 31/03/2024	15,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**42.0%**	**22.8%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,516 - 17,274
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	186
Số lượng CPLH (CP)	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,065
Sở hữu nước ngoài	37.9%
Beta	0.35
EPS	3,273
P/E	4.7

DT thuần
Q1/24
63.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼224| -77.9%
YoY: ▼39.2| -38.1%

LN thuần
Q1/24
0.97
tỷ VNĐ
QoQ: ▼33.8| -97.2%
YoY: ▲ 1.09| 910%

LN sau thuế
Q1/24
2.60
tỷ VNĐ
QoQ: ▼27.2| -91.3%
YoY: ▲ 0.33| 14.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
5.8%
YoY: +/-▼ 7.4%

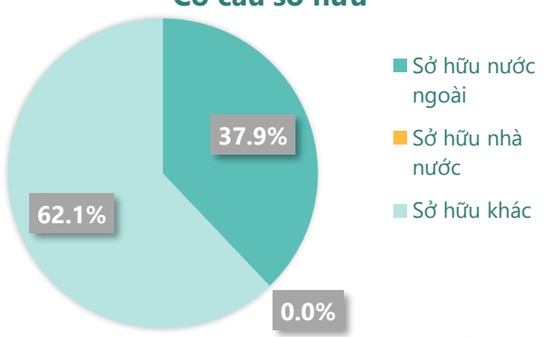
ROE (TTM)
Q1/24
16.6%
YoY: +/-▲ 0.9%

DT thuần
2023
658
tỷ VNĐ
YoY: ▼389| -37.2%

LN thuần
2023
35.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.90| 23.9%

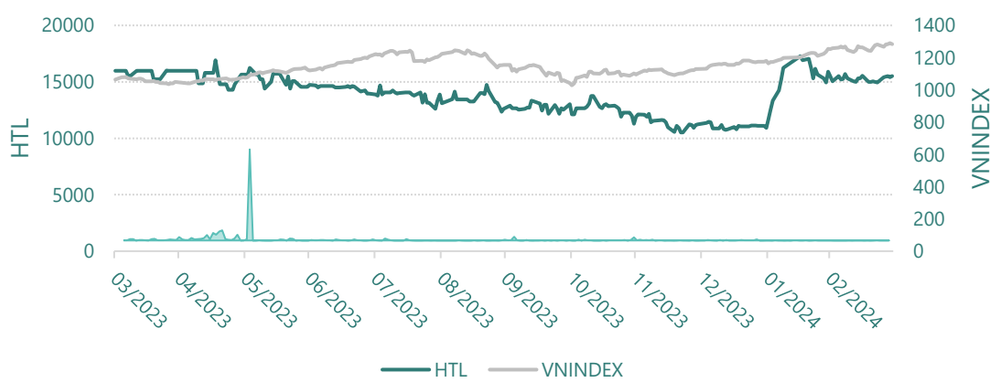
LN sau thuế
2023
38.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.30| 3.6%

Cơ cấu sở hữu

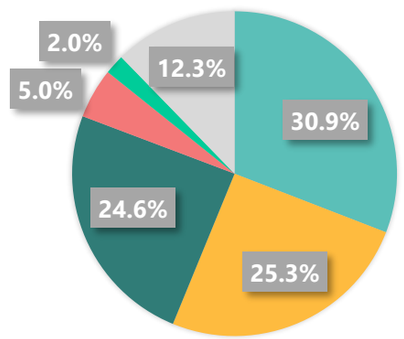


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

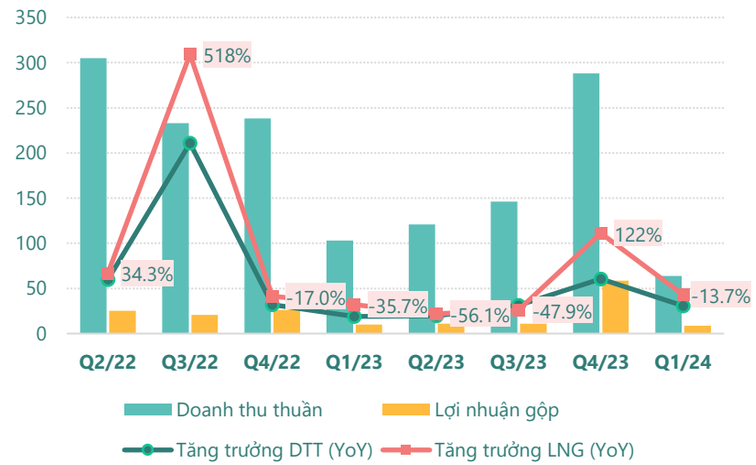


- Lã Văn Trường Sơn (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Thị Kiều Diễm (Chủ tịch HĐQT)
- Chairatchakarn (Bangkok) Co., Ltd
- Aichi Hino Motor Co.,Ltd
- Lã Thị Thanh Phương (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

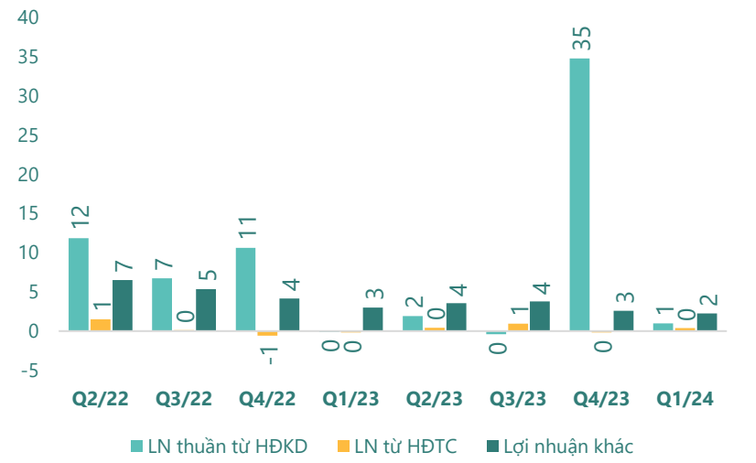
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



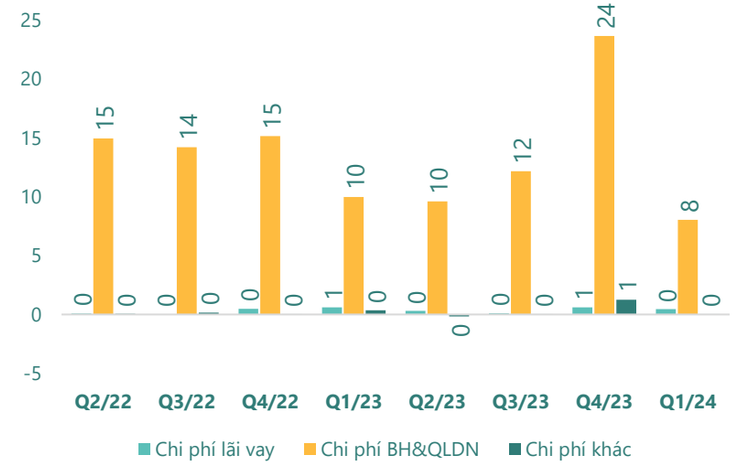
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



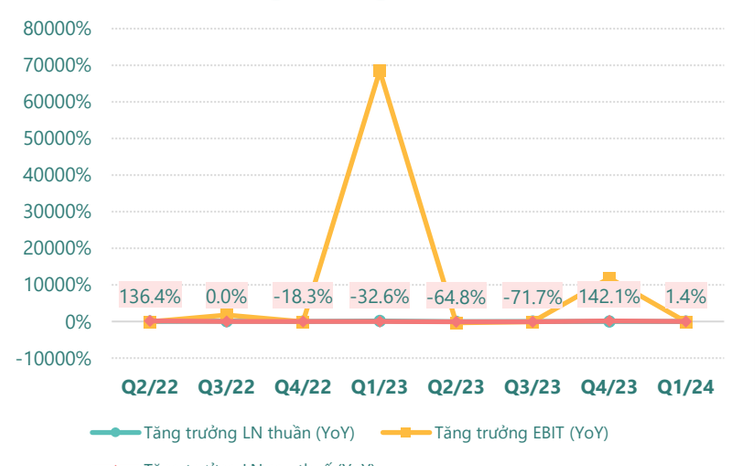
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



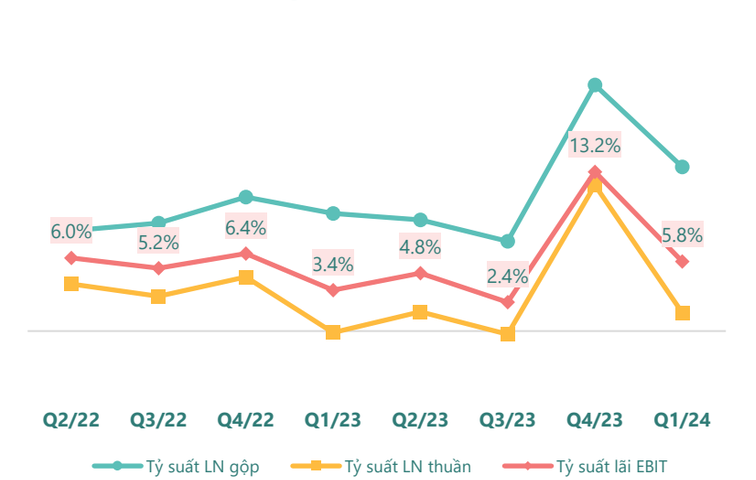
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



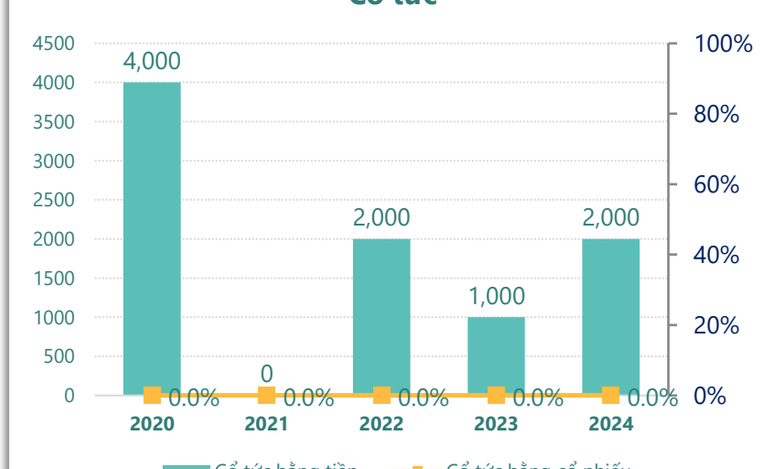
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

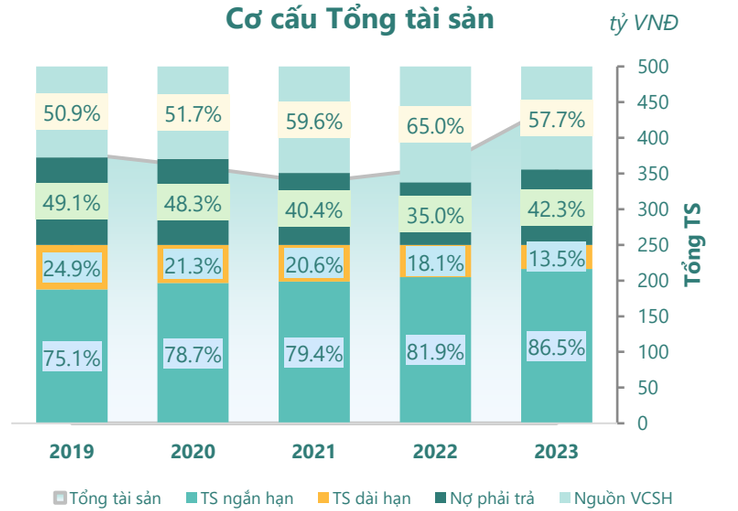
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

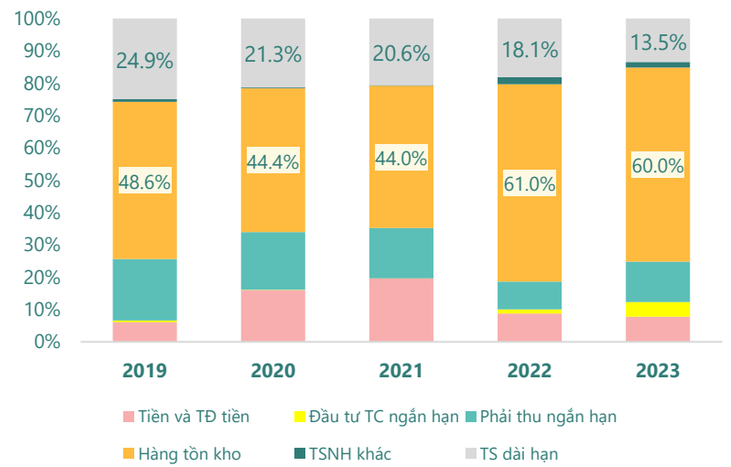
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



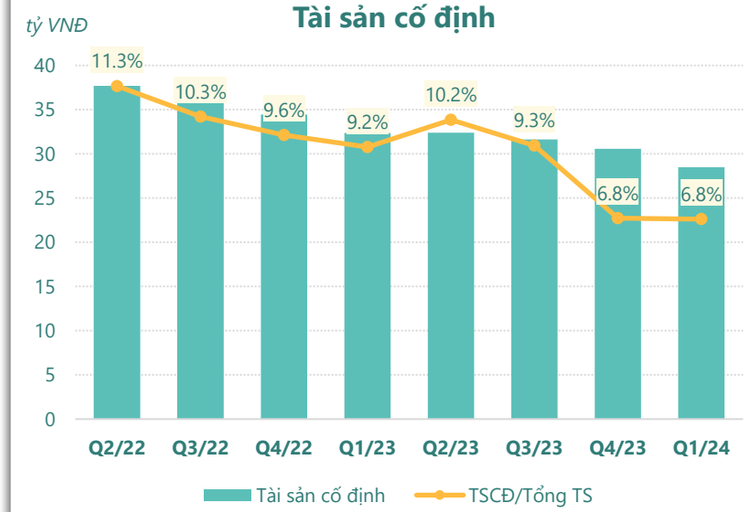
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



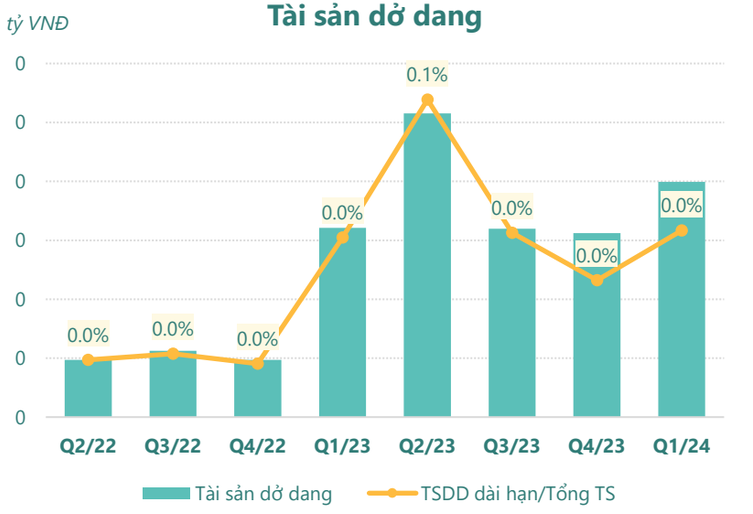
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



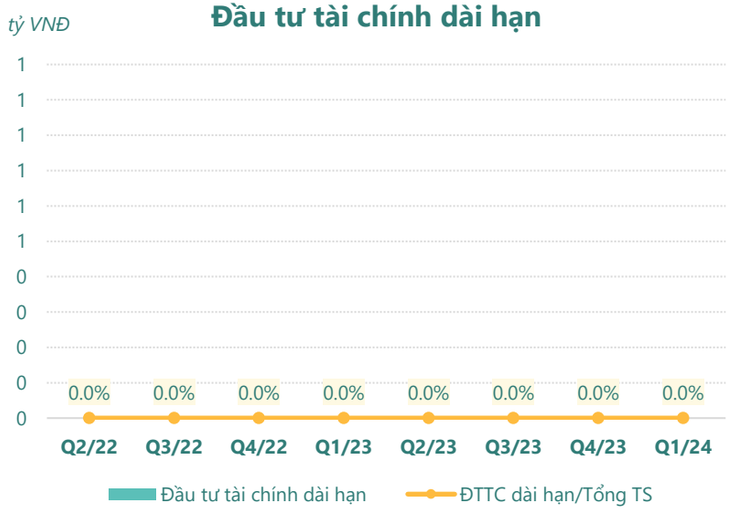
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



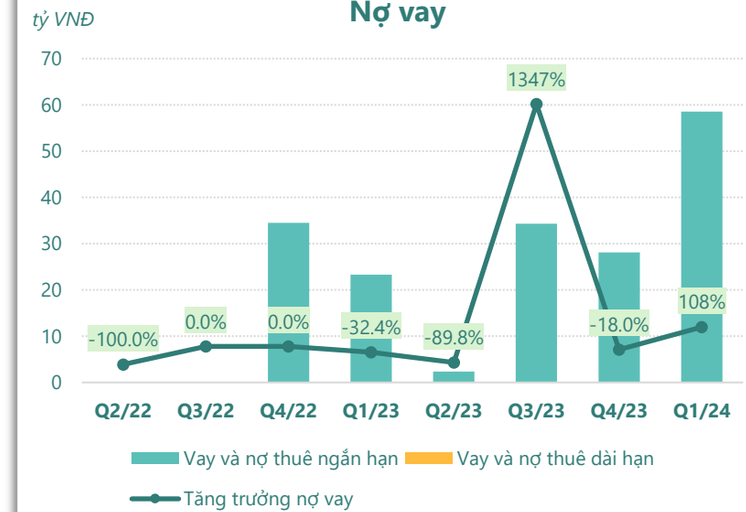
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

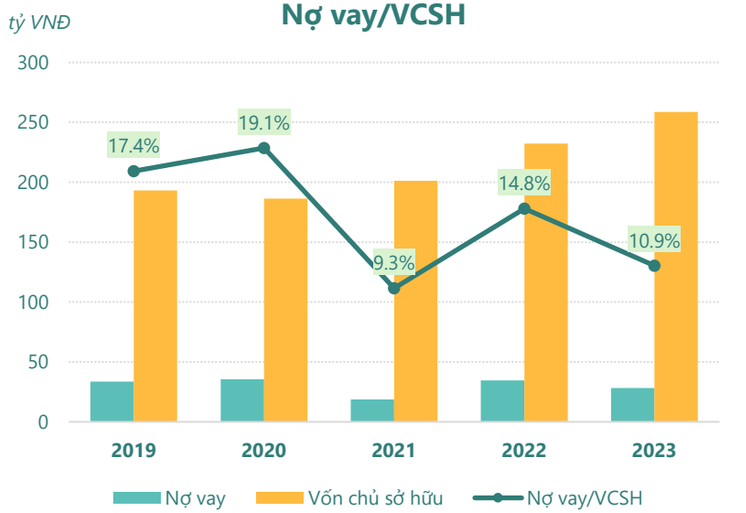
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

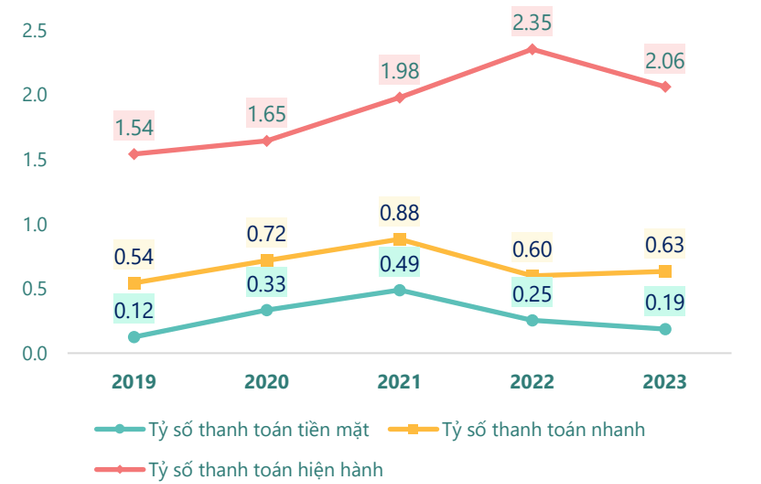
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



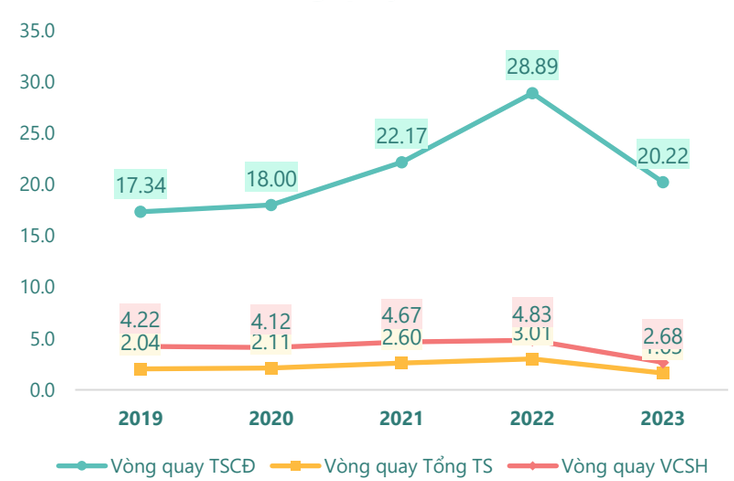
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



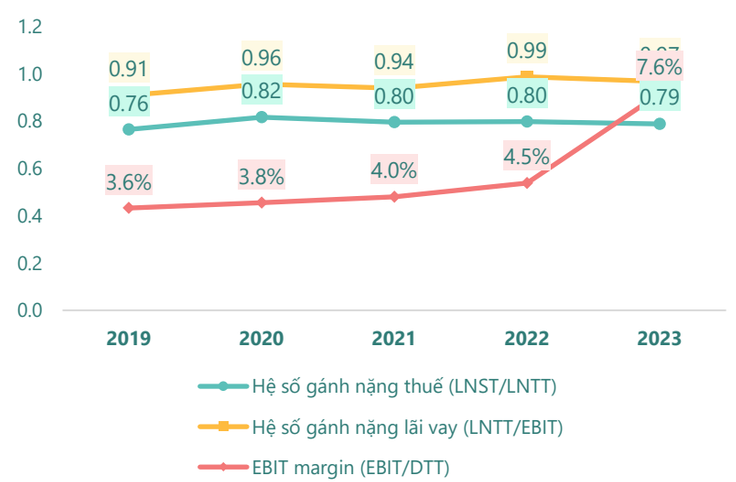
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



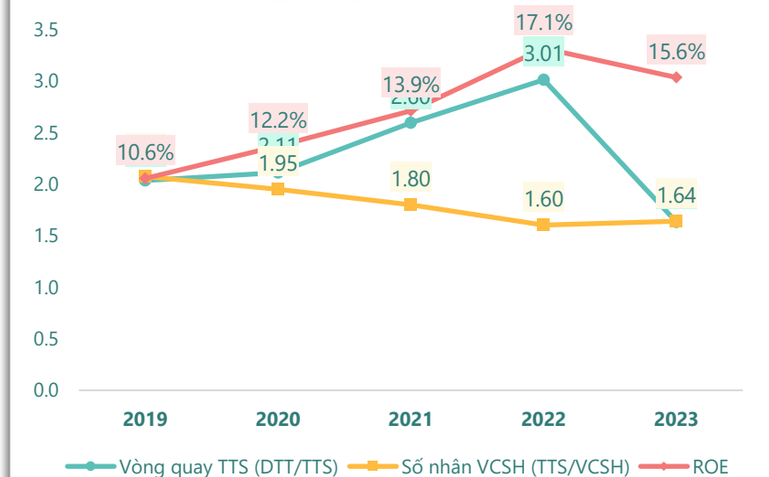
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



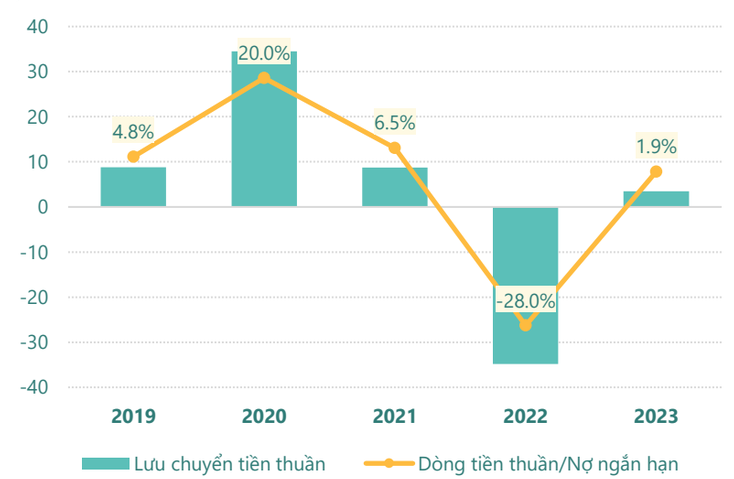
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**63.8**	**103**	**-38.1%**	**658**	**1,047**	**-37.2%**
Giá vốn hàng bán	55.1	93.2	-40.9%	567	961	-41.0%
Lợi nhuận gộp	8.66	10.0	-13.4%	90.4	86.3	4.7%
Doanh thu HĐTC	0.82	0.44	86.0%	2.66	3.23	-17.6%
Chi phí TC	0.45	0.60	-24.9%	1.61	1.75	-7.8%
Chi phí lãi vay	0.45	0.60	-25.7%	1.60	0.59	170%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.24	5.18	-18.2%	29.8	34.4	-13.4%
Chi phí QLDN	**3.82**	**4.81**	**-20.7%**	**25.9**	**24.5**	**5.4%**
LN thuần từ HĐKD	0.97	-0.12	910%	35.7	28.8	23.9%
Lợi nhuận khác	**2.25**	**3.00**	**-25.0%**	**12.9**	**17.5**	**-26.6%**
LN trước thuế	3.22	2.88	11.9%	48.6	46.4	4.8%
Lợi nhuận sau thuế	**2.60**	**2.27**	**14.7%**	**38.3**	**37.0**	**3.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.60**	**2.27**	**14.7%**	**38.3**	**37.0**	**3.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-48.1	-6.25	41.6	-29.8	31.9	-52.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	9.92	-3.32	-1.68	8.48	-19.0	21.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	34.5	-11.2	-32.9	31.9	-6.17	30.4
Tiền đầu kỳ	33.7	31.5	10.8	17.7	28.3	35.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.72**	**-20.7**	**6.94**	**10.6**	**6.71**	**-1.04**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	30.0	10.8	17.7	28.3	35.0	34.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**420**	**448**	**-6.3%**
Tài sản ngắn hạn	362	388	-6.6%
Tiền và tương đương tiền	34.0	35.0	-3.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.15	20.2	-99.3%
Phải thu ngắn hạn	35.8	56.0	-36.0%
Hàng tồn kho	284	269	5.8%
Tài sản ngắn hạn khác	8.03	7.86	2.1%
Tài sản dài hạn	**57.8**	**60.3**	**-4.2%**
Phải thu dài hạn	0	0.03	-100%
Tài sản cố định	28.5	30.6	-6.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.20	0.16	27.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**29.1**	**29.5**	**-1.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	183	189	-3.5%
Nợ ngắn hạn	**181**	**188**	**-3.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	58.6	28.1	108%
Phải trả người bán ngắn hạn	43.1	72.4	-40.4%
Nợ dài hạn	1.40	1.45	-3.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**237**	**259**	**-8.3%**
Vốn chủ sở hữu	**237**	**259**	**-8.3%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)